**Bảng. Hướng dẫn giám định**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Mức độ tổn thương - Dấu hiệu đánh giá** | **Tỷ lệ (%)** |
| 1. | Đau thắt lưng | 11 - 15 |
| 1.1. | Mức độ 1:  a) Rất đau (đau khó chịu vùng thắt lưng, đi lại sinh hoạt bị hạn chế, cần người khác giúp đỡ).  b) Xuất hiện 5 lần trong một năm.  c) Phải nghỉ việc trung bình trên 15 ngày trong một năm.  d) Nghiệm pháp SchÖber (dương tính) và nhỏ hơn hoặc bằng 3cm. |  |
| 1.2. | Mức độ 2  a) Đau bất động (đau không dám thay đổi tư thế, kiểu đau thần kinh tọa - lan xuống gối) hoặc đau dữ dội (nằm yên vẫn đau).  b) Xuất hiện liên tục.  c) Nghỉ việc trung bình trên 30 ngày trong một năm.  d) Nghiệm pháp SchÖber (dương tính) và nhỏ hơn hoặc bằng 3 cm. | 16 - 20 |
| 2. | Có hình ảnh tổn thương thân đốt sống thắt lưng: Thoái hóa, hoặc lõm thấu kính hoặc hình thang hoặc xẹp, hoặc lún thân đốt sống, (trong độ tuổi Nam < 55 tuổi; Nữ < 50 tuổi). |  |
| 2.1. | Thoái hóa cột sống |  |
| 2.1.1. | Thoái hóa một đến hai đốt sống |  |
| 2.1.1.1. | Mức độ nhẹ (Có đầy đủ các triệu chứng lâm sàng nhưng chưa có biểu hiện rõ trên phim Xquang) | 1 - 3 |
| 2.1.1.2. | Mức độ vừa (Phim Xquang có hình ảnh: phì đại xương hoặc gai xương ở rìa khớp hoặc hẹp khe khớp không đồng đều hoặc đậm đặc xương dưới sụn) | 6 - 10 |
| 2.1.1.3. | Mức độ nặng (Phim Xquang có hình ảnh như mục 2.1.1.2 và có tổn thương như: hốc ở đầu xương hoặc hẹp lỗ liên hợp) | 16 - 20 |
| 2.1.2. | Thoái hóa từ ba đốt sống trở lên |  |
| 2.1.2.1. | Mức độ nhẹ | 6 - 10 |
| 2.1.2.2. | Mức độ vừa | 16 - 20 |
| 2.1.2.3. | Mức độ nặng | 26 - 30 |
| 2.2. | Lún, xẹp thân đốt sống |  |
| 2.2.1. | Ở một thân đốt sống |  |
| 2.2.1.1. | Một phần thân đốt sống | 16 - 20 |
| 2.2.1.2. | Cả thân đốt sống | 21 - 25 |
| 2.2.2. | Hai thân đốt sống | 26 - 30 |
| 2.2.3. | Ba thân đốt sống | 36 - 40 |
| 2.2.4. | Trên ba thân đốt sống | 41 - 45 |
| 3. | Thoát vị đĩa đệm |  |
| 3.1. | Thoát vị đĩa đệm không gây hẹp ống sống |  |
| 3.1.1. | Một ổ | 5 - 9 |
| 3.1.2. | Hai ổ | 11 - 15 |
| 3.1.3. | Từ ba ổ trở lên | 21 - 25 |
| 3.2. | Thoát vị đĩa đệm gây hẹp ống sống, lỗ đốt sống, chưa tổn thương thần kinh |  |
| 3.2.1. | Một ổ | 11 - 15 |
| 3.2.2. | Hai ổ | 21 - 25 |
| 3.2.3. | Từ ba ổ trở lên | 31 - 35 |
| 3.3. | Thoát vị đĩa đệm đã phẫu thuật: |  |
| 3.3.1. | Mổ một ổ | 21 - 25 |
| 3.3.2. | Mổ hai ổ | 31 - 35 |
| 3.3.3. | Mổ ba ổ | 36 - 40 |
| 4. | Tổn thương cột sống thắt lưng gây chèn ép thần kinh tương ứng với vị trí tổn thương: Áp dụng tỷ lệ tương ứng quy định tại Bảng 2 của Thông tư [28/2013/TTLB-BYT-BLĐTBXH](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Thong-tu-lien-tich-28-2013-TTLT-BYT-BLDTBXH-ty-le-ton-thuong-co-the-thuong-tich-benh-tat-benh-nghe-nghiep-209666.aspx" \t "_blank). |  |